

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 9 năm 2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Đạt phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Điền

Bà Nguyễn Thị Tần

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị C, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay đang ở nước ngoài.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ.

(Chị C, anh Đ, bà H đều vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đinh Thị C trình bày: Chị và anh Đinh Văn Đ kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 11/10/2013. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt, 2 vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hòa

hợp nữa nên đề nghị ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị C xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Đình Công T, sinh ngày 17/3/2014 và cháu Đình Bảo K, sinh ngày 02/3/2021. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị C không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. *Phía bị đơn:* Anh Đình Văn Đ hiện đang ở nước ngoài thể hiện tại công văn số: 522/QLXNC-Đ1 ngày 04/6/2025 của Phòng Q Công an tỉnh P xác định anh Đ xuất cảnh ngày 28/12/2024 qua Sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do chị C không biết địa chỉ của anh Đ ở đâu tại nước ngoài nên bà Đình Thị H là cô ruột của anh Đ đã tự khai tại như sau: Hiện tại anh Đ đang lao động ở nước Nga nên không về được. Nhưng bà và anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc qua Zalo để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị C và anh Đ. Bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Đ, bà đã thông báo cho anh Đ biết xong anh Đ thông qua bà cho biết là muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy 2 con chung, nhưng nếu chị C kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Mâu thuẫn vợ chồng chị C và anh Đ chủ yếu là do về kinh tế. Việc 2 bên có nghi ngờ nhau quan hệ ngoại tình nhưng không có chứng cứ gì. Chị C không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, công nợ, công sức thì bà sẽ thông báo cho cháu Đ biết. Hiện nay hàng tháng anh Đ vẫn gửi tiền về cho bà nuôi dưỡng cháu T.

Về con chung: Bà H xác định vợ chồng chị C và anh Đ có hai con chung là cháu Đình Công T, sinh ngày 17/3/2014 và cháu Đình Bảo K, sinh ngày 02/3/2021. Hiện nay cháu T đang được bà H trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu K đang ở với mẹ. Việc các con chung ở với ai thì do Tòa án quyết định theo pháp luật.

3. *Tại bản tự khai cháu Đình Công T thể hiện* nguyện vọng là nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ.

4. *Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân với đại diện UBND xã H, trưởng khu, cán bộ phụ trách tư pháp cung cấp:* Chị C và anh Đ kết hôn năm 2013 tại UBND xã H (mới). Từ khi lấy nhau, anh Đ và chị C không có mâu thuẫn gì. Sau đó đến năm 2022 thì anh Đ có đi làm ăn tại nước ngoài, khoảng cuối năm 2024 anh Đ có về Việt Nam, đến tháng 12/2024 anh Đ quay trở lại nước ngoài. Trong thời gian anh Đ ở Việt Nam thì giữa anh Đ và chị C có xảy ra mâu thuẫn nhưng không tại địa phương. Nay anh Đ và chị C đã sống ly thân khoảng 3 năm nay. Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

5. *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình (HN&GD); Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị C được ly hôn với anh Đinh Văn Đ.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Đinh Công T, sinh ngày 17/3/2014 và cháu Đinh Bảo K, sinh ngày 02/3/2021 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị C không yêu cầu. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị C là nguyên đơn nên phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đinh Văn Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, tỉnh Phú Thọ. Theo Công văn số 522/QLXNC-Đ1 ngày 04/6/2025 của Phòng Q Công an tỉnh P xác định anh Đ xuất cảnh ngày 28/12/2024 qua Sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Điều 123 của Luật HN&GD. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án này anh Đ không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của BLTTDS. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị C đề nghị xin ly hôn với anh Đ và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh Đ mà không cung cấp được địa chỉ anh Đ ở chỗ nào tại nước ngoài. Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng thông qua cô ruột của anh Đ là bà Đinh Thị H. Bà H đã cam kết thông báo cho anh Đ biết, anh Đ biết chị C xin ly hôn anh và thông qua bà H thì anh cũng đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa chị Đinh Thị C, bà Đinh Thị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của BLTTDS Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị C và anh Đinh Văn Đ kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 11/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Y (cũ), nay là xã H, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị C trình bày giữa chị C và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là quan điểm sống không hợp nhau, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị C xác

định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nhiều năm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Mặc dù anh Đ không có lời khai xong thông qua bà H là cô ruột của anh Đ cung cấp quan điểm của anh Đ là nhất trí ly hôn với chị C.

[2.2] Xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy chị C và anh Đ là vợ chồng nhưng không liên lạc và không biết địa chỉ của nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, từ đó cho thấy anh chị đã không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau theo nghĩa vợ chồng. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh Đ đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị C được ly hôn anh Đ là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD.

[2.3] Về con chung: Chị C và anh Đ có hai con chung là cháu Đình Công T, sinh ngày 17/3/2014 và cháu Đình Bảo K, sinh ngày 02/3/2021. Chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị C không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Nguyên vọng được nuôi con chung là nguyện vọng chính đáng của người mẹ nên cần xem xét nguyện vọng phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi cần đảm bảo cuộc sống mọi mặt cho các cháu. Trên thực tế anh Đ đang ở nước ngoài không ở Việt Nam không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Các cháu Đình Công T hiện nay đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng đã có quan điểm là ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, còn cháu Đình Bảo K hiện đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để các cháu có điều kiện sống tốt nhất và ổn định thì cần giao cả 2 cháu T và cháu K cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chị C và con chung là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật HN&GD.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị C tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C là yêu cầu tự nguyện phù hợp với pháp luật cần xác nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị C không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị C được ly hôn anh Đinh Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Đinh Công T, sinh ngày 17/3/2014 và cháu Đinh Bảo K, sinh ngày 02/3/2021. Xác nhận chị C tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đào Thị C1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị C1 đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số: 0000669 ngày 16/6/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Về quyền kháng cáo: Chị C1 có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao xét xử. Anh Đ cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Hương Cẩn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Anh